

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HS-ST

Ngày 16/6/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Dung và bà Vũ Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2022/TLST-HS, ngày 18/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST - HS ngày 31/5/2022, đối với bị cáo:

- Trịnh Đức T, sinh ngày 1984; nơi cư trú: Thôn Đại Mão, xã H, huyện T, tỉnh B; nghề Nộp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Đức T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị K; có vợ Nguyễn Thị Ngọc H; có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011).

- Tiền án: + Tại Bản án số 98/2018/HSST ngày 18/6/2018, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Tiên D, tỉnh B xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, buộc phải bồi thường trách nhiệm dân sự 1.400.000 đồng cho bị hại; phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 08/8/2018 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 06/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù. Chưa bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại.

+ Tại Bản án số 77/2020/HSST ngày 11/8/2020, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Tiên D, tỉnh B xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ

thẩm. Ngày 11/8/2020 chấp hành xong án phí. Ngày 21/6/2021 chấp hành xong hình phạt tù.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 03/3/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt tại điểm cầu trực tuyến tại Trại giam Công an tỉnh B.

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn L Cầu, xã H, huyện T, tỉnh B

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Trí H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Ông Vũ Đăng T, sinh năm 1958; nơi cư trú: Xóm Đình, xã M, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 24/02/2022, Trịnh Đức T một mình đi bộ từ nhà sang trang trại nhà Nguyễn Hữu N, sinh năm 1983 ở cùng thôn chơi. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên cả hai rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Sau đó, N điều khiển xe mô tô Honda Wave màu xanh, không có biển kiểm soát chở T đi đến khu vực thôn L Cầu, xã H, huyện T, tỉnh B xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khoảng 14 giờ ngày 24/02/2022, T và N đi qua khu vực đê Bối thuộc địa phận thôn L Cầu thì phát hiện 01 chiếc cửa sắt màu sơn đỏ, được hàn bằng lưới sắt B40 dựng ở gần chuồng gà trong vườn của gia đình ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1962, không ai quản lý. T ngồi trên xe cảnh giới, còn N xuống xe đi bộ vào trong vườn vác cửa sắt ra ngoài đường rồi đặt lên yên xe mô tô. Sau đó, T ngồi sau ôm cánh cửa, còn N điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng mua bán sắt vụn thuộc địa phận xóm B, xã M, huyện T, tỉnh B của ông Vũ Đăng T, sinh năm 1958; trú tại: Xóm Đình, xã M, huyện T, tỉnh B. Tại đây, N vào giao dịch bán cho ông T cửa sắt với giá 150.000 đồng. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chở T quay lại thôn L, xã H để tiếp tục trộm cắp tài sản. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đi trong thôn L Cầu, T và N phát hiện trước cửa nhà bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968 có 01 chiếc xe cải tiến hàn bằng các ống kẽm màu ghi xám, hai lốp bằng cao su màu đen, không có người trông giữ (chiếc xe cải tiến trên bà S mượn của anh Nguyễn Trí H, sinh

năm 1987 ở cùng thôn để dọn vườn). Lúc này, N ngồi trên xe cảnh giới, còn T xuống xe đi bộ đến vị trí chiếc xe cải tiến rồi kéo chiếc xe đến vị trí xe mô tô của N rồi ngồi lên xe mô tô. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chở T kéo chiếc xe cải tiến đến cửa hàng mua bán sắt vụn của ông T bán chiếc xe cải tiến trên cho ông T với giá 420.000 đồng. Số tiền bán chiếc cửa sắt và chiếc xe cải tiến, T và N đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 03/3/2022, ông Nguyễn Đăng H và bà Nguyễn Thị S đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Cùng ngày, Trịnh Đức T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 03/3/2022, ông Vũ Đăng T đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc cửa sắt và 01 chiếc xe cải tiến có đặc điểm nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 04/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Yêu cầu định giá tài sản số 48/YCĐG đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T định giá đối với 01 chiếc xe cải tiến và 01 chiếc cửa sắt tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 24/02/2022.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 04/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 chiếc xe cải tiến được làm bằng ống kẽm màu ghi xám, sử dụng các loại ống kẽm Ø 34, Ø 27, Ø 21; chiều dài xe là 2,7m, rộng xe 0,7m. Chiều dài càng xe là 1,5m, chiều dài thùng xe là 1,5m, xe có hai lớp bằng cao su màu đen có trị giá là 1.000.000 đồng.

- 01 chiếc cửa sắt được làm bằng các khung sắt có kích thước 0,75m x 1,5m, màu sơn đỏ, được hàn bằng lưới sắt B40 có khối lượng 15kg có trị giá là 150.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc xe cải tiến và 01 chiếc cửa sắt là tài sản T và N trộm cắp. Ngày 19/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho anh Nguyễn Trí H và ông Nguyễn Đăng H là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đăng H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

- Ông Vũ Đăng T là người đã mua chiếc xe cải tiến và chiếc cửa sắt của T và N với giá 570.000 đồng. Ông T không có yêu cầu gì về số tiền trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Trịnh Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT - VKSTT, ngày 17/5/2022 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Trịnh Đức T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội Dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trịnh Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Đức T từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2022.

Do bị cáo không có nghề Nộp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với Luận tội của Đại diện VKS không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù người bị hại là ông Nguyễn Đăng H và bà Nguyễn Thị S; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trí H và ông Nguyễn Đăng T đều vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng ông H, bà S, ông T và anh H đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông H, bà S, ông T và anh H không ảnh hưởng gì đến nội Dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà S, ông T và anh H là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Tại phiên toà, bị cáo Trịnh Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ đến 15 giờ ngày 24/02/2022, Trịnh Đức T và Nguyễn Hữu N đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại thôn L Cầu, xã H, huyện T, tỉnh B. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 24/02/2022, T và N trộm cắp 01 chiếc cửa sắt được làm bằng các khung sắt có kích thước 0,75m x 1,5m, màu sơn đỏ, được hàn bằng lưới sắt B40 có khối lượng 15kg trị giá là 150.000 đồng của ông Nguyễn Đăng H. Sau đó, T và N đã bán cửa sắt trên cho ông Vũ Đăng T tại cửa hàng thu mua sắt vụn tại Xóm B, xã M, huyện T, tỉnh B với giá 150.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 24/02/2022, T và N trộm cắp 01 xe cải tiến được làm bằng ống kẽm màu ghi xám, sử dụng các loại ống kẽm Ø34, Ø27, Ø21; chiều dài xe là 2,7m, rộng 0,7m. Chiều dài cang xe là 1,5m, chiều dài thùng xe là 1,5m, xe có hai lốp bằng cao su màu đen có trị giá là 1.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị S. Sau đó, T và N đã bán chiếc xe trên cho ông Vũ Đăng T tại cửa hàng thu mua sắt vụn tại Xóm B, xã M, huyện T, tỉnh B với giá 420.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 1.150.000 đồng. Hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi được cửa sắt và xe cải tiến trả lại cho ông H và anh H (bà S đồng ý trả cho anh H). Xét hành vi giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt trên thì bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản; tuy nhiên, tính đến ngày 24/02/2022 là ngày bị cáo trộm cắp, bị cáo chưa được xóa án tích của Bản án số 77/2020/HSST ngày 11/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện Tiên D, tỉnh B đã kết án bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Đây là tình tiết định tội đối với bị cáo. Do vậy, nên hành vi trộm cắp lần này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh và điều luật mà Cáo trạng của VKSND huyện T đã truy tố.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm T khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây Hg mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với bị cáo cần xét xử Nêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có 02 tiền án nên bị cáo được xác định là người có nhân thân xấu.

Xét về các tình tiết tăng, nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có 2 tiền án và hành vi trộm cắp lần này của bị cáo có giá trị dưới

2.000.000 đồng. Đây là tình tiết định tội của bị cáo nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi trộm cắp là trái pháp luật, nhưng chỉ lười lao động để có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải cách bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi vụ án bị phát hiện biết không thể trốn tránh được pháp luật bị cáo đã đầu thú; xét thấy, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo không có nghề Nộp, không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án:

Đối với Nguyễn Hữu N là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng Trịnh Đức T ngày 24/02/2022. Quá trình điều tra xác định N chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa bị kết án về các tội chiếm đoạt tài sản. Với trị giá tài sản trộm cắp 1.150.000 đồng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Hữu N về hành vi “Trộm cắp tài sản” với mức phạt tiền là 2.500.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với ông Vũ Đăng T là người đã mua chiếc cửa sắt và chiếc xe cải tiến của T và N, nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh, không có biển kiểm soát mà T và N sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra N khai đã mua chiếc xe mô tô trên của một người đàn ông không quen biết khoảng 50 tuổi tại bến xe bus ở khu vực huyện Quế V, tỉnh B vào tháng 01/2022 với giá 1.000.000 đồng (không viết giấy tờ mua bán). Quá trình sử dụng, N đã làm mất giấy tờ đăng ký xe, N không nhớ biển kiểm soát của xe. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng T thì N đã bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không quen biết ở bến xe bus ở khu vực huyện Lương Tài, tỉnh B với giá 800.000 đồng (không viết

giấy tờ mua bán). Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Do tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại bị hại nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Trịnh Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Đức T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2022. Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T.
- Trại tạm giam Công an tỉnh B,
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà